

Medium

CLARK 01

Sneaker da c ổ thấp **cho chàng**

i giày th Giày CLARK là l g da đầ y phong E Sđiệ n t ới iế n . Hoàn hảo cho nhiều ngành công n ghiệ p , chúng mang tới sự thoải mái tuyệt vời chỉnh , độ bám t u i và khả năng bảo v ệ ch ống tia l ửa điệ n .

Những vật liệu cao cấp hơn	hành động da
lót bên trong	i tái chế lướ
trong	Đ ệm chân SJ làm từ mút tái chế (96% vật liệu tái chế)
ngoài	Đ Cao su (NBR)
i	Loạ 01 / SRC, ESD
	Phạm vi kích thước EU 39-47 / UK 6.0-12.0 / US 6.5-13.0 JPN 25-31 / KOR 255-310
ng lượng t	thép 0.360 kg
	ản hồi êu chu ASTM F2892:2018 EN ISO 20347:2012



BLK



NAV



Tay cầm **Oxy / Tay** cầm **SJ**
e ngoài bằng cao su Oxytraction bám tốt trên cả bề mặt ướt và khô (SRA+ SRB).



X
ESD cung cấp khả năng xả năng lượng tĩnh điện có kiểm soát có thể làm hỏng các bộ phận điện tử và ngăn chặn tia lửa do tích điện. 00 KiloOhm và 100 MegaOhm.



ường có thể tháo rờ
Thay miếng lót giày thường xuyên hoặc miếng lót giày chỉnh hình riêng mái để thoả

Công nghiệp **n:**
phục vụ **ăn** uố ạnh g, Làm sốcupốẩm m & Đthuộ c v ề **y** hồ ợn cg p,Hục

ường: **Môi** t
r ờn **môi** khô, Bề mặt cự c mịn

Cac hương **dân ba#o tri:**
éo dài t Đ giày, chúng tôi khuyên bạn **nên** v ệ sinh giày thư ờn g **xuyên** và bảo v ệ **chúng** bằm phải cách **hàng** nhiệ g **Không** trên lò s

K

	Sự **miêu** t ả	**EN ISO 20347**	ế t ả	ơn vị u	**đo** l Đ ờn g q
Nhữ n g vật l iệu **hành** độ n g **da** **cao** cấp h ơn					
	Top: khả năng **n**tấm ớch ơ	? 0.8		2.5	ờ mg/cm/g
	Top: hi nụ số ch ơ	? 15		28.9	mg/cm2
ót bên trong	i **tái** ch ế ó				
	L ớp **lót**: tấm ớch ơ	? 2		59.1	ờ mg/cm/g
	lót: hi nụ số ch ơ	? 20		473	mg/cm2
rong Đ ệ m **chân** **SJ làm** t ừ **mút tái** ch ế **(96%** vật l iệu **tái** ch ế)					
	ệ m chân Đch ố n g mài mòn (khô/ư ớt) (chu kỳ)	25600/12800		25600/12800	chu kỳ
goài Đ	**Cao su (NBR)**				
	Ch ố n g trơn trượt ế ngoài (mài mòn)	? 150		65	mm
	a đế **ngoài** SRA- gót chân	? 0.28		0.4	ma sát
	a đế **ngoài** SRA- Phầ t g	? 0.32		0.4	ma sát
	a đế **ngoài** SRB- gót chân	? 0.13		0.17	ma sát
	ộc đế **ngoài** SRB- phần g	? 0.18		0.21	ma sát
	ị ch ố Giá t g tĩnh điệ n	0.1 - 1000		N/A	megaohm
	ị ESD Giá t	0.1 - 100		21	megaohm
	Hấp thụ năng l ợ g gót chân củ	? 20		20	J

kích thước thép: 42

a chúng tôi Đ có thể thay đổi nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có sự đồng ý bằng văn bản của chúng tôi.

hân sinh thái:

	Sự **miêu** t ả	ế t ả	ơn vị u	**đo** l Đ ờn g q
i **CO# hát** thả				
	V ật l iệu		1.72	kg
	Bao bì		0.10	kg
	ất Sản x u		1.90	kg
	Chuyên ch ở		0.26	kg
				3.98 kg CO2/ cặp

	Sự **miêu** t ả	ế t ả	K u	q
ệ vật l Tiệ **tái** ch ế				
	Product		13%	
	Bao bì		99%	

Tính toán CO2:
ị đ Các giá tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán